TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Trần Thị Thúy Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Mai Đình N, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 9/102 A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú sau cùng: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Mai Đình N kết hôn vào ngày 04/11/2014 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng những năm đầu tương đối hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sa vào cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần nhiều người. Là một người chồng, người cha trong gia đình nhưng anh N không chăm lo cho gia đình, không chia sẻ khó khăn với vợ, con mà sống buông thả, không có trách nhiệm. Vì thế, mặc dù trên danh N đã có chồng nhưng chị luôn cảm thấy cô độc, bản thân luôn phải

cố gắng gồng mình để vượt qua khó khăn và làm chỗ dựa cho con. Dù đã nhiều lần khuyên giải, cho anh N cơ hội, thậm chí năm 2019 vợ chồng chuyển về nhập hộ khẩu với gia đình bố mẹ chị L tại Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình nhằm thay đổi môi trường sống, giúp anh N làm lại nhưng anh N vẫn không thay đổi mà còn sa đà hơn. Chung sống với gia đình bố mẹ chị L được một thời gian thì anh N bỏ đi, do đó, vợ chồng đã ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, thực tế mối quan hệ vợ chồng hiện không tồn tại, nên chị làm đơn xin ly hôn anh N.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, chị cam kết có đủ điều kiện nuôi con cho đến khi con trưởng thành.

Vợ chồng không có tài sản chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn - anh Mai Đình N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các bước tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập cho anh N.

Tại Vi bằng số 30/2023 ngày 29/3/2023 lập bởi Văn phòng thừa phát lại Đ, tỉnh Quảng Bình, được lập nên theo yêu cầu của chị L. Thừa phát lại đã chứng kiến và ghi nhận toàn bộ quá trình chị L sử dụng điện thoại cá nhân mở, đọc, trích xuất nội dung và hình ảnh những lần nói chuyện, trao đổi giữa chị L và anh N thông qua số điện thoại di động +84327739332 (Viettel Quảng Bình xác nhận là số điện thoại anh Mai Đình N đăng ký sử dụng) trên điện thoại di động cá nhân của chị L, đã thể hiện: Anh N hoàn toàn biết rõ sự việc chị L nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N, và anh N cũng đã biết được nội dung Thông báo thụ lý vụ án cũng như các Thông báo và Giấy triệu tập của Tòa án triệu tập anh N tới làm việc. Tuy nhiên, do biết được sự việc như vậy nhưng anh N trốn tránh, cố tình không tới Tòa án làm việc gây khó khăn, cản trở việc ly hôn của chị L. Nội dung trao đổi hai bên cũng thể hiện anh N thực sự không còn tình cảm yêu thương với chị L nữa, anh N cũng không quan tâm đến vợ con và hoàn toàn không có sự chia sẻ trách nhiệm cùng chị L trong việc nuôi con. Anh N bày tỏ muốn về huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để làm thủ tục chuyển khẩu ra tỉnh Thanh Hóa, nhưng về thì sợ phải tới Tòa án làm việc. Vì vậy, anh N đặt điều kiện nếu chị L làm thủ tục chuyển khẩu ra ngoài tỉnh Thanh Hóa cho anh N xong thì anh N sẽ về Tòa án trực tiếp giải quyết và đồng ý ly hôn với chị L.

Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2023, Công an xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình cho biết: Anh Mai Đình N vẫn đang đăng ký thường trú tại Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vào thời điểm hiện tại anh N không có mặt tại địa phương, theo thông tin dữ liệu dân cư trên mạng máy tính thì anh N không có nơi đăng ký tạm trú nào khác.

Ngày 30/5/2023, theo uỷ thác của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã làm việc với đại diện gia đình anh Mai Đình N là bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của anh N) ở thôn N, xã T, huyện N, tỉnh

Thanh Hóa. Bà D cho biết: Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Đình N đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2014 cho đến nay. Quá trình chung sống chị L và anh N có xảy ra mâu thuẫn do chị L đòi đi nước ngoài làm ăn nhưng anh N không đồng ý, hiện chị L đang sinh sống ở Quảng Bình, còn anh N vẫn ở trong miền Nam nhưng không cho gia đình biết địa chỉ nơi ở. Về việc chị L làm đơn đề nghị ly hôn với anh N, ý kiến của bà là mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Vợ chồng chị L, anh N có 01 con chung là Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014. Khi cháu Phong được một tuổi, anh N, chị L có gửi cháu về cho bà chăm sóc, khi cháu học lớp 1 thì chị L đón cháu về sinh sống cùng gia đình ở Quảng Bình cho đến nay. Ngoài ra, bà cho biết nguyện vọng của anh N và gia đình là mong muốn chị L chuyển hộ khẩu cho anh N về thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì anh N sẽ về tỉnh Quảng Bình phối hợp với chị L để giải quyết ly hôn.

Cùng ngày, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xác minh tại Công an xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, được biết: Anh Mai Đình N có hộ khẩu thường trú tại thôn N cũ (hiện nay đã đổi tên thành thôn N), xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Hiện anh N không có mặt tại địa phương, anh N có đăng ký tạm trú tại số nhà 9/102A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại văn bản số 335/TA-VP về việc "Thông báo thực hiện quyết định ủy thác thu thập chứng cứ" ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cho biết: Tòa án nhân dân thành phố Thuận An đã nhận được ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch về việc xác minh và lấy lời khai của anh N, tuy nhiên sau khi kiểm tra để thực hiện thì không xác định được cụ thể, rõ ràng hiện anh N đang có mặt cũng như sinh sống ở đâu tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên không thể làm việc được với anh N, vì vậy, không thể thực hiện được việc ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Toà án nhân dân huyện Bố Trạch cũng đã ban hành Công văn số 1815/TAND ngày 26/7/2023 về việc đề nghị Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương phối hợp xác minh, cung cấp thông tin của anh Mai Đình N nhưng không có kết quả.

Ngày 15/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 31/8/2023, đồng thời tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên toà đối với anh Mai Đình N tại các địa chỉ gồm: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất anh N vắng mặt mà không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

Toà án nhân dân huyện Bố Trạch tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập anh Mai Đình N tại các địa chỉ nói trên với nội dung triệu tập anh N đến tham gia phiên tòa lần thứ hai vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 18/9/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con chung anh N, chị L là Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014, thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với mẹ.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với các bên đương sự, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Mai Đình N.

Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014. Không buộc anh Mai Đình N cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với anh Mai Đình N, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; tại thời điểm thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, xác định anh N trước đây đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhưng sau đó đã chuyển đến đăng ký thường trú tại Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; anh N có đăng ký tạm trú tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Toà án đã uỷ thác thu thập chứng cứ nhưng không xác định được chỗ ở cụ thể của anh N và cũng không triệu tập anh N đến làm việc được. Xác định, anh Mai Đình N có nơi đăng ký gần đây nhất là tại Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nhưng trước đó Tòa án đều đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Chị Nguyễn Thị L và anh Mai Đình đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B ngày 04/11/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp

pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại trong thực tế. Thông qua bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của anh N), cho thấy vợ chồng anh N - chị L đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và đã sống ly thân nhiều năm, anh N đặt điều kiện nếu chị L chuyển hộ khẩu cho anh N thì anh N sẽ về Tòa án hợp tác với chị L giải quyết và đồng ý ly hôn. Về phía anh N, mặc dù đã biết được việc chị L nộp đơn ly hôn với mình và biết được việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án cũng như triệu tập mình nhiều lần đến làm việc nhưng anh N cố tình trốn tránh, bất hợp tác, chứng tỏ anh N đã từ bỏ quyền trực tiếp trình bày quan điểm giải quyết vụ án, không còn tha thiết níu kéo để cùng chị L tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của chị L và anh N đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Mai Đình N là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Xác định vợ chồng chị L và anh N có 01 con chung là Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014. Chị L có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con và đảm bảo đủ điều kiện nuôi con cho đến khi con trưởng thành mà không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Cháu Phong đã ở với chị L từ nhiều năm qua, việc sinh hoạt, học tập của cháu đang ổn định cùng chị L tại nơi cư trú của chị L; anh N hiện không có nơi cứ trú ổn định; mặt khác, cháu Phong đang còn nhỏ, rất cần sự hiểu biết về tâm sinh lý và sự chăm sóc của người mẹ. Xét thấy, để đảm bảo cho con chung được nuôi dưỡng tốt, phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, cần chấp nhận nguyện vọng của chị L, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện mỗi bên cũng như tình hình thực tế; phù hợp với nguyện vọng của con. Do chị L cam đoan có đủ khả năng nuôi dưỡng con mà không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con, do đó, không buộc anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Mai Đình N.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con là Mai Đình P, sinh ngày 21/11/2014. Chị L cam kết có đủ khả năng nuôi dưỡng con trưởng thành mà không yêu cầu anh Mai Đình N đóng góp cấp dưỡng nuôi con, do đó, không buộc anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy, không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002667 ngày 27 tháng 12 năm 2022. Chị L đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã X
(GCNKH số 47, ngày 04/11/2014);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu